

Số: *28*/2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *07* tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/03/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện điểm a, khoản 1, Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 413/TTr-SNN&PTNT ngày 26/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh như sau:

1. Điểm b khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Hỗ trợ mua bò đực giống: Các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020)”.

2. Điểm a khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Các hộ trực tiếp chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm (gà, vịt) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp và chăn nuôi trang trại)”.

3. Điểm a khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% giá trị một con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên (tương đương với trọng lượng từ 240 kg trở lên) cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống dịch vụ. Mức hỗ trợ theo giá mua thực tế nhưng không quá 25 triệu đồng/01 con”.

4. Điểm b khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Trâu đực giống, bò đực giống phải được mua từ các huyện khác”.

5. Điểm a khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với nhà cung cấp dịch vụ: Chủ vật nuôi ký kết hợp đồng tham gia dịch vụ phải trong cùng một thôn hoặc liên thôn với nhau, đảm bảo tối thiểu 100 hợp đồng dịch vụ (tương ứng với định mức 500 đơn vị vật nuôi) đối với các xã đồng bằng; 50 hợp đồng dịch vụ (tương ứng với định mức 100 đơn vị vật nuôi) đối với các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh (Phụ lục 1)”.

6. Điểm b khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) UBND cấp huyện căn cứ kế hoạch, dự toán được UBND tỉnh giao, thông báo kế hoạch cho từng xã, phường, thị trấn”.

7. Điểm c khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Sau khi được UBND cấp huyện thông báo kế hoạch hỗ trợ, UBND cấp xã thông báo công khai và tiếp nhận đơn đề nghị hỗ trợ, kiểm tra điều kiện hưởng hỗ trợ, tổ chức họp xét hỗ trợ, thành phần họp xét hỗ trợ do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định. Sau đó thông báo kết quả cho các đối tượng biết để thực hiện”.

8. Điểm a khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Kiểm tra, nghiệm thu để giải ngân kinh phí hỗ trợ:

- Sau khi các đối tượng thực hiện xong việc đầu tư, UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các nội dung hỗ trợ. Thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm đại diện lãnh đạo UBND cấp xã, Hội Nông dân cấp xã, Ban Nông nghiệp, cán bộ phụ trách chăn nuôi-thú y cấp xã, cán bộ phụ trách Tài nguyên-Môi trường cấp

xã, Ban Nhân dân các thôn/khối phố có đối tượng được hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ. Sau đó tổng hợp danh sách gửi UBND cấp huyện đề nghị hỗ trợ.

- Trên cơ sở danh sách do UBND cấp xã gửi đến, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra hồ sơ và phúc tra kết quả nghiệm thu của UBND cấp xã. Thành phần kiểm tra, phúc tra do Chủ tịch UBND cấp huyện quy định”.

9. Tiết 1 điểm b khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Sau khi tổ chức kiểm tra, phúc tra đảm bảo các điều kiện theo quy định, UBND cấp huyện quyết định chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã (kèm theo danh sách đối tượng được hỗ trợ, nội dung hỗ trợ) để UBND cấp xã trực tiếp cấp kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn”.

10. Điểm b khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Chỉ đạo cơ quan có liên quan lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ theo Quy định này, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để tham mưu bố trí kế hoạch kinh phí thực hiện. Kế hoạch kinh phí phải sát thực tế, có dự kiến chỉ tiêu phân bổ từng nội dung hỗ trợ cho từng xã, phường, thị trấn. Hướng dẫn các mẫu đơn, biểu mẫu và các nội dung có liên quan cho UBND cấp xã để phổ biến cho các đối tượng được hưởng hỗ trợ thực hiện. Đồng thời tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả nghiệm thu của UBND cấp xã”.

11. Điểm c khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Căn cứ kế hoạch do UBND cấp huyện phân bổ, kết quả kiểm tra điều kiện hưởng hỗ trợ, tổ chức họp xét hỗ trợ, kiểm tra, nghiệm thu các nội dung hỗ trợ, tổng hợp danh sách và có văn bản gửi UBND cấp huyện đề nghị hỗ trợ”.

12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1. Danh sách các xã được hỗ trợ mua bò đực giống, các xã được hỗ trợ nhà cung cấp dịch vụ thú y trọn gói với quy mô 50 hộ đồng ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh.

13. Bổ sung thêm điểm đ vào khoản 1 Điều 12 như sau:

“đ) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy định này”.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8; các Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7; các mẫu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018. Các nội dung khác tại Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

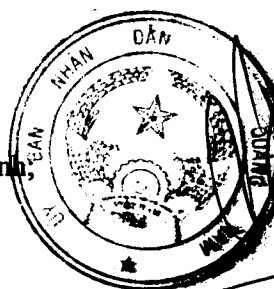
2. Đối với những hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân được UBND cấp xã tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà chưa được giải quyết thì xem xét, giải quyết theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CPVP;
- Lưu: VT, NC, HCTC, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thu

E:\minh tan\binh\2017\Quyết định\Quyết định qpp\12 05 sửa đổi, bổ sung Quyết định 08 của Ủy ban tỉnh.doc

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ DỊCH VỤ THÚ Y TRỌN GÓI ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẠT QUY MÔ 50 HỢP ĐỒNG TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2017/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên Huyện, Thành phố	Tên xã
I	Đại Lộc	
1		Xã Đại Chánh
2		Xã Đại Sơn
3		Xã Đại Thạnh
4		Xã Đại Đồng
5		Xã Đại Hồng
6		Xã Đại Lãnh
7		Xã Đại Quang
8		Xã Đại Tân
9		Xã Đại Hưng
II	Duy Xuyên	
1		Xã Duy Sơn
2		Xã Duy Phú
III	Thăng Bình	
1		Xã Bình Lãnh
2		Xã Bình Phú
IV	Núi Thành	
1		Xã Tam Trà
2		Xã Tam Mỹ Đông
3		Xã Tam Mỹ Tây
4		Xã Tam Sơn
5		Xã Tam Thạnh
V	Phú Ninh	
1		Xã Tam Lãnh
VI	Tiên Phước	
1		Xã Tiên Hà
2		Xã Tiên Lập
3		Xã Tiên An
4		Xã Tiên Ngọc
5		Xã Tiên Lãnh



6		Thị trấn Tiên Kỳ
7		Xã Tiên Cẩm
8		Xã Tiên Phong
9		Xã Tiên Cảnh
10		Xã Tiên Châu
11		Xã Tiên Hiệp
12		Xã Tiên Lộc
13		Xã Tiên Mỹ
14		Xã Tiên Sơn
15		Xã Tiên Thọ
VII	Hiệp Đức	
1		Xã Sông Trà
2		Xã Phước Trà
3		Xã Phước Gia
4		Xã Quế Lưu
5		Xã Thăng Phước
6		Xã Bình Sơn
7		Xã Hiệp Thuận
8		Xã Quế Bình
9		Thị trấn Tân An
10		Xã Bình Lâm
11		Xã Hiệp Hòa
12		Xã Quế Thọ
VIII	Nông Sơn	
1		Xã Quế Lâm
2		Xã Quế Phước
3		Xã Phước Ninh
4		Xã Quế Ninh
5		Xã Quế Trung
6		Xã Quế Lộc
7		Xã Sơn Viên
IX	Bắc Trà My	
1		Xã Trà Kót
2		Xã Trà Nú
3		Xã Trà Đông
4		Xã Trà Giang

5		Xã Trà Sơn
6		Xã Trà Tân
7		Xã Trà Đốc
8		Xã Trà Bui
9		Xã Trà Giác
10		Xã Trà Giáp
11		Xã Trà Ka
12		Thị trấn Trà My
13		Xã Trà Dương
X	Nam Trà My	
1		Xã Trà Mai
2		Xã Trà Tập
3		Xã Trà Nam
4		Xã Trà Đơn
5		Xã Trà Vinh
6		Xã Trà Vân
7		Xã Trà Leng
8		Xã Trà Đơn
9		Xã Trà Linh
10		Xã Trà Cang
XI	Nam Giang	
1		Xã La ÊÊ
2		Xã Chợ Chun
3		Xã Zuôih
4		Xã Tà Pơ
5		Xã La Dê
6		Xã Đắc Tôi
7		Xã Chà Vài
8		Xã Tà Bhing
9		Xã Cà Dy
10		Xã Đắc Pre
11		Xã Đắc Pring
12		Thị trấn Thạnh Mỹ
XII	Đông Giang	
1		Xã Tà Lu
2		Xã Sông Kôn



3		Xã Jơ Ngây
4		Xã Ating
5		Xã Tư
6		Xã ARooi
7		Xã Za Hung
8		Xã Mà Cooih
9		Xã Kà Dăng
10		Thị trấn Prao
11		Xã Ba
XIII	Tây Giang	
1		Xã Dang
2		Xã Avương
3		Xã Bhalêê
4		Xã Atiêng
5		Xã Lãng
6		Xã A Xan
7		Xã Ch'om
8		Xã Gari
9		Xã Tr'hy
10		Xã Anông
XIV	Phước Sơn	
1		Xã Phước Đức
2		Xã Phước Năng
3		Xã Phước Mỹ
4		Xã Phước Xuân
5		Xã Phước Hòa
6		Xã Phước Hiệp
7		Xã Phước Chánh
8		Xã Phước Công
9		Xã Phước Kim
10		Xã Phước Thành
11		Xã Phước Lộc
12		Thị trấn Khâm Đức
XV	Quế Sơn	
1		Xã Quế Phong